

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ HOÀI NHƠN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 261/2022/DS-ST  
Ngày 14-7-2022  
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀI NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Văn Thành

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Nhung
2. Ông Nguyễn Hữu Tố

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Thị Thúy Diễm - Thư ký Tòa án Nhân dân thị xã Hoài Nhơn.

***Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn tham gia phiên tòa:***  
Ông Trương Văn Đình - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2021/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2021, về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2022/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 737/2022/QĐST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự;

***1. Nguyên đơn:*** Bà Tạ Thị L, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Khu phố Văn C, phường Hoài Đ, thị xã N, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Tạ Thị T, sinh năm 1952, có mặt.

Địa chỉ: Khu phố Tân Th 1, phường Tam Quan B, thị xã N, tỉnh B (tại văn bản ủy quyền đề ngày 12/4/2022).

***2. Bị đơn:*** Vợ chồng ông Trần X, sinh năm 1962 bà Đinh Thị C, sinh năm 1967.

Đồng trú: Khu phố Thiện Ch 1, phường Tam Quan B, thị xã N, tỉnh B.

Vợ chồng ông X bà C vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 6 năm 2021 của nguyên đơn bà Tạ Thị L, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền bà Tạ Thị T trình bày:

Vào ngày 09 tháng 3 năm 2020, bà L có cho vợ chồng ông Trần X bà Đinh Thị C mượn số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng. Hai bên có viết giấy mượn tiền, không thỏa thuận lãi suất và thời gian trả nợ. Từ đó đến nay, bà L đã nhiều lần đòi nợ nhưng vợ chồng ông X bà C không trả nợ cho bà L. Nay, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Trần X và Đinh Thị C trả cho bà L số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 10 tháng 11 năm 2021, bị đơn bà Đinh Thị C trình bày: Vào ngày 09 tháng 3 năm 2020, vợ chồng ông X bà C mượn của bà Tạ Thị L số tiền 300.000.000 đồng, hai bên có viết giấy mượn tiền, không thỏa thuận lãi suất và không thỏa thuận thời gian trả nợ. Chữ ký trên giấy mượn tiền là của vợ chồng ông X bà C. Từ đó đến nay, vợ chồng ông bà chưa trả tiền cho bà L. Nay, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông bà phải trả số tiền 300.000.000 đồng thì bà đồng ý trả cho bà L, tuy nhiên, vì điều kiện làm ăn khó khăn, vợ chồng ông bà xin trả dần cho bà L mỗi năm 30.000.000 đồng.

Về phía bị đơn ông Trần X, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông X theo quy định của pháp luật nhưng ông X luôn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, không có tài liệu, chứng cứ, lời khai của bị đơn. Tòa án căn cứ vào tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, lời khai của bị đơn bà Đinh Thị C và các căn cứ của pháp luật để xem xét giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án phù hợp với quy định của pháp luật; vi phạm thời hạn về thời hạn thụ lý đơn khởi kiện và thời hạn chuẩn bị xét xử.

- Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn vắng mặt lần hai tại phiên tòa không có lý do nên Tòa tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ các Điều 463, Điều 466 và khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn vợ chồng ông Trần X bà Đinh Thị C phải trả cho bà Tạ Thị L số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng ông Trần X bà Đinh Thị C phải chịu theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án dân sự được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào trình bày của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:*

[1] Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại khu phố Thiện Ch 1, phường Tam Quan B, thị xã N, tỉnh B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn vợ chồng ông Trần X và Đinh Thị C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng tại phiên tòa hôm nay vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn tiến hành xét xử vắng mặt vợ chồng ông Trần X bà Đinh Thị C.

[3] Về nội dung của vụ án và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà Tạ Thị L khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Trần X bà Đinh Thị C có nghĩa vụ trả tiền nợ vay cho bà 300.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, bà L xuất trình chứng cứ giấy mượn tiền đề ngày 09/3/2020, có chữ ký của người mượn tiền là ông Trần X bà Đinh Thị C, trong giấy mượn tiền hai bên không thỏa thuận lãi suất và không ấn định thời hạn trả nợ; bị đơn bà Đinh Thị C cũng thừa nhận chữ ký trên giấy mượn tiền là của vợ chồng ông X bà C. Từ đó đến nay, bà L đã nhiều lần đòi nợ nhưng vợ chồng ông X bà C không trả nên dẫn đến phát sinh tranh chấp. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không chấp nhận đề nghị trả nợ dần của bà Đinh Thị C.

[4] Sau khi thụ lý vụ án và trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho vợ chồng ông X bà C nhưng vẫn vắng mặt tại Tòa. Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 10/11/2021, bà Đinh Thị C thừa nhận, vợ chồng ông bà có nợ bà L số tiền 300.000.000 đồng, chữ ký trên giấy mượn tiền đề ngày 09/3/2020 là của ông X bà C. Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự có thể khẳng định về chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là hợp lệ. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Xét thấy, hợp đồng vay tài sản giữa bà Tạ Thị L và vợ chồng ông Trần X bà Đinh Thị C là phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự, việc bà L yêu cầu vợ chồng ông X bà C trả lại số tiền vay là phù hợp với quy định tại Điều 466 và khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận

yêu cầu của bà L, buộc vợ chồng ông X bà C trả cho bà L số tiền 300.000.000 đồng là phù hợp với quy định pháp luật. Không chấp nhận đề nghị trả dần số nợ của bà C.

[6] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Ý kiến của đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có cơ sở phù hợp với quy định pháp luật.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên vợ chồng ông Trần X bà Đinh Thị C phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án”.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, điểm b, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, Điều 466 và khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

#### **Tuyên xử:**

##### **1. Chấp nhận yêu cầu của bà Tạ Thị L.**

Buộc vợ chồng ông Trần X bà Đinh Thị C trả cho bà Tạ Thị L số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng.

*Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.*

**2. Về án phí dân sự sơ thẩm:** Vợ chồng ông Trần X bà Đinh Thị C phải chịu 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng sung vào công quỹ Nhà nước.

**3. Về quyền kháng cáo:** Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng

mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*“Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Hoài Nhơn;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Văn Thành**